

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày: 24/5/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thanh Bình**

Bà **Phạm Hồng GA**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Lương Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021. Tại trụ sở TAND huyện Hòn Đất, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 26/4/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Trung C** Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/7/1996

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở hiện nay: Ấp Kinh 7B, xã T, huyện T, tỉnh K.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.

Nghề N: LA xe Trình độ học vấn: Lớp 9/12

Họ và tên cha: Nguyễn Văn H - sinh năm 1971

Họ và tên mẹ: Trần Thị L – sinh năm 1975

Anh chị em ruột: Không có

Vợ: ThA Thị Tr - sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo Trần Trung C bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người bị hại:** Chị **Trần Thị Khả A**, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã S, huyện H, tỉnh K.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư **Phạm Hoàng K** – Văn phòng luật sư Phạm Hoàng Khoa, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Nguyễn Hoài Th**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện G, tỉnh K.

2. Bà **Đông Thị H**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 6A Ngô Gia Tự, khu phố 3, phường A, Tp R, tỉnh K.

3. Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh K.

4. Bà **Trần Thị Thu H1**, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh 7B, xã T, huyện T, tỉnh K.

- **Người biết sự việc:**

1. Chị **Trần Thị Mộng T**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp G, xã S, huyện H, tỉnh Kiên G.

2. Chị **Trần Thảo Ng**, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp G, xã S, huyện H, tỉnh K.

3. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh 7B, xã T, huyện T, tỉnh K.

4. Chị **ThA Thị Tr**, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K.

5. Anh **Quách Hữu B**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường A, Tp R, tỉnh K.

6. Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 1073 Lâm Quang Ky, phường A, Tp R, tỉnh K.

7. Anh **Hình Văn X**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 920 Nguyễn Trung Trực, Tp R, tỉnh K.

- **Người làm chứng:**

1. Chị **Nguyễn Diễm Th**, sinh năm 1996 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 13C Trần Nhật Duật, phường A, Tp R, tỉnh K.

2. Bà **Võ Thị Mộng L1**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp G, xã S, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trung C là người ở xã T, huyện T, tỉnh Kiên G cùng vợ là ThA Thị Tr đến thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang thuê nhà trọ để đi bán hàng thuê, còn C thuê xe ô tô dịch vụ tự lái để chạy thuê bao kiếm tiền. Đến khoảng tháng 3 năm 2020 thông qua mạng xã hội Zalo C kết bạn với Trần Thị Khả A, sinh năm 1994 ngụ tại ấp G, xã S, huyện H, tỉnh K, là nhân viên bán hàng tại shop quần áo ở thành phố Rạch Giá, sau nhiều lần nhắn tin qua lại thì chị Tr phát hiện nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Tr bỏ đi không chung sống với C nữa, trong thời gian này C thường xuyên liên lạc với chị A và tự giới thiệu mình là công an làm việc tại Công an tỉnh Kiên Giang và C nói dối là C có 02 chiếc xe ô tô để kinh doanh cho người khác thuê tự lái. 02 phương tiện xe ô tô mua bằng hình thức trả góp tiền ngân hàng. Để tạo lòng tin với chị A, C đến Công ty TNHH TMDV Môi Trường Thanh Dương do anh Nguyễn Văn N là giám đốc, C thuê xe ô tô BS 68A – 147.34 tự lái giá 650.000 đồng/ngày, về sau thuê xe tháng 15.000.000 đồng/tháng để chở chị A đi chơi nhiều nơi. Sau nhiều lần đi chơi thấy chị A tin tưởng và nảy sinh tình cảm, C rủ chị A về sống chung nhà trọ với C và được chị A đồng ý, hàng ngày C chạy ô tô đưa chị A đi làm và rước chị A về, đến giữa tháng 3 năm 2020 do không có tiền trả tiền thuê xe và nhà trọ, C nảy sinh ý định lừa đảo hỏi mượn chiếc mô tô biển số: 68D1 – 534.56 của chị A đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Vào ngày 16/3/2020 C điện mượn mô tô 68D1 - 534.56 của chị A để làm phương tiện đi lại, chị A tưởng thật nên đồng ý đưa xe và các giấy tờ xe cho C, sau đó C đưa xe của chị A cho anh Nguyễn Hoài Th nhờ đem đi cầm dùm tại tiệm cầm đồ của Tú – Sang ở thành phố Rạch Giá được 25.000.000 đồng, có tiền C trả nợ tiền thuê xe và nhà trọ, số tiền còn lại C tiêu xài hết.

Thời gian sống chung với A biết A và gia đình A có nhiều tiền nên C tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo, C giả vờ nói dối là đến kỳ trả nợ ngân hàng mua 02 chiếc ô tô trả góp, vì mùa dịch COVID việc kinh doanh cho thuê không được nên chưa có tiền trả tiền ngân hàng, C hỏi A mượn 20.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng, A đồng ý cho C mượn 1.000 USD (đô la Mỹ) quy đổi thời điểm hiện tại được 23.350.000 đồng, có tiền C sử dụng vào mục đích trả nợ tiền thuê xe, nhà trọ và tiêu xài, để tạo lòng tin với

chị A, C thông qua mạng xã hội đặt mua 01 bộ đồ Cảnh sát nhân dân Việt Nam. Sau khi mua được hoàn chỉnh 01 bộ đồ Công an nhân dân, hàng ngày C mặc đồ Công an chạy ô tô thuê chở A đi làm và rước về để tạo lòng tin. Thấy chị A tin tưởng, C tiếp tục viện lý do thiếu tiền ngân hàng vì mua 02 xe trả góp nên hỏi mượn tiền chị A thêm 6 lần nữa cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 25/5/2020 C hỏi mượn của A 2.000 USD (đô la Mỹ) quy đổi tại thời điểm được 46.340.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 27/6/2020 C hỏi mượn của A 7.500 USD (đô la Mỹ) quy đổi tại thời điểm được 173.250.000 đồng.

- Lần thứ ba: Vào ngày 06/8/2020 C hỏi mượn của A 2.500 USD (đô la Mỹ) quy đổi tại thời điểm được 57.625.000 đồng.

- Lần thứ tư: Vào ngày 06/9/2020 C hỏi mượn của A 10.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

- Lần thứ năm: Vào ngày 22/09/2020 C hỏi mượn của A 18.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

- Lần thứ sáu: Vào ngày 23/9/2020 C hỏi mượn của A 15.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

Tổng cộng C lừa đảo hỏi mượn tiền, tài sản của chị A là 01 chiếc xe mô tô biển số 68D1 – 534.56; 13.000 USD (Đô la Mỹ) và 43.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

Sau khi lừa đảo được tiền C sử dụng vào việc trả tiền thuê xe ô tô, trả tiền thuê nhà trọ, chi phí chở A đi du lịch nhiều nơi, mua đồ, quà tặng cho chị A và tiêu xài cá nhân, sau nhiều lần mượn tiền không trả, đến ngày 20/11/2020 sau khi chở chị A về nhà tại ấp G, xã S, huyện H, chị A nghi ngờ C giả danh Công an để lừa đảo tiền của mình nên đến trình báo Công an huyện Hòn Đất để xử lý cho đến nay.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 40/KL-ĐGTS ngày 30/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - thuộc UBND huyện Hòn Đất, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE, biển số 68D1 – 534.56, có giá trị sử dụng 30.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định giấy chứng minh Công an nhân dân số 1052/KL – KTHS ngày 21/12/2020 của phòng kỹ thuật Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận: Giấy chứng minh Công an nhân dân số 358-966 mang tên Trần Trung C là giấy giả.

Tại bản kết luận giám định đồ vật (khẩu súng ngắn) số 6461/C09B ngày 25/12/2020 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Khẩu súng ngắn, màu đen kích thước 22cm gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm

hình dạng súng ống Colt, không phải vũ khí quân dụng, súng sử dụng khí nén trong hộp tiếp đạn để bắn đạn với hình cầu đường kính 6mm, đạn ra khỏi nòng súng đến cơ thể người có thể gây thương tích.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thể hiện thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, bị cáo và gia đình khắc phục được một phần hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-HĐ ngày 07/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố bị cáo Trần Trung C về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và xác định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung C mức án từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” Tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 09 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ đồ Cảnh sát nhân dân Việt Nam; 01 nón ketpi; 01 dây thắt lưng Công an nhân dân; 01 bản tên Trần Trung C; 01 bộ quân hàm phù hiệu cấp hàm thượng úy; 01 còng số 8; 01 cây súng ngắn bắn đạn bi; 01 giấy chứng minh Công an nhân dân tên Trần Trung C có ảnh của C mặc quân phục Công an nhân dân.

Trách nhiệm dân sự: Trần Thị Khả A là người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường trả lại số tiền đã chiếm đoạt là: 13.000 USD (Đô la Mỹ) quy đổi thành tiền Việt Nam đồng là 300.565.000 đồng, tiền mặt 43.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng và 01 xe mô tô biển số 68D1–534.56 trị giá 30.000.000 đồng, tổng cộng 373.565.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường được 70.000.000 đồng (Trong đó: Người bị hại nhận 60.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất). Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc bị cáo bồi thường.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài Th yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà anh Th đã nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất để khắc phục hậu quả là 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh Th nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc bị cáo bồi thường.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Bị cáo có ý kiến: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa Luật sư Phạm Hoàng K bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố. Tuy nhiên, đối với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ từ 07 năm đến 08 năm tù là quá nghiêm khắc. Bởi lẽ số tiền mà bị cáo lừa đảo cũng phục vụ cho nhu cầu của cả bị cáo và bị hại như đi chơi nhiều nơi, trả tiền nhà trọ, ăn uống, mua quà cho bị hại và sắm vật dụng trong nhà trọ. Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” Viện kiểm sát đề nghị từ 06 tháng đến 09 tháng tù cũng là quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Bị cáo đặt mua đồ Công an nhân dân, chứng minh nhân dân công an cũng nhằm mục đích tạo sự tin tưởng của bị hại để bị cáo phục vụ cho hành vi lừa đảo của bị cáo.

Bị cáo tác động gia đình khắc phục được cho bị hại số tiền 70.000.000 đồng tuy không đủ ½ số tiền mà bị hại yêu cầu nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo ly hôn từ khi bị cáo còn nhỏ, bị cáo sống với bà ngoại để áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới khung hình phạt cũng thỏa đáng.

Tại phiên tòa bị hại Trần Thị Khả A phát biểu quan điểm: Yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 373.565.000 đồng. Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo thì bị hại không thống nhất. Các lần đi chơi có một số lần có gia đình bị cáo cũng đi cùng, những lần đi chơi bị hại cũng là người bỏ tiền ra để chi trả.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Bà Trần Thị Thu H là bà ngoại của bị cáo bỏ ra số tiền 20.000.000 đồng, mẹ bị cáo là bà Trần Thị L đã bỏ ra cho bị cáo số tiền 50.000.000 đồng, tổng là 70.000.000 đồng. Hai người tự nguyện bỏ ra số tiền trên để bồi thường cho bị hại và sau này không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên của huyện Hòn Đất trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 9 năm 2020 Trần Trung C đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị Khả A nhiều lần với tổng số tiền hơn 373.565.000 đồng mục đích có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, trong thời gian thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo còn có hành vi tham gia cộng đồng mạng Facebook để mua 01 bộ quần áo Công an nhân dân, giấy chứng minh công an nhân dân, 01 còng số 8, 01 khẩu súng ngắn giả bắn đạn bi... để tạo lòng tin cho chị A rồi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị A. Do đó, hành vi của bị cáo C có đầy đủ các yếu tố cấu thành hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo Trần Trung C là rất nghiêm trọng. Chỉ vì nhu cầu cần có tiền thanh toán tiền thuê xe và nhu cầu tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật lao vào con đường phạm tội. Từ đó, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của bị hại mà bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo sử dụng những thủ đoạn rất tinh vi để tạo lòng tin của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản một cách trót lọt như bị cáo nói với bị hại rằng bị cáo có mấy chiếc xe ô tô cho thuê nhưng vì dịch bệnh không có người thuê nên bị cáo không có tiền đóng lãi ngân hàng do bị cáo mua xe trả góp, chưa dừng lại ở đó bị cáo còn thông qua mạng xã hội Facebook để đặt mua bộ quần áo công an; giấy

chứng minh công an nhân dân; công số 8; súng và nón. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân một cách trái pháp luật, mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, đặc biệt hơn là làm ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động đúng đắn của Các cơ quan hành chính Nhà nước, gây tâm lý bức xúc cho người bị hại và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm về những hành vi mà bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây nên, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục lại bị cáo trở nên một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội cũng như mang tính răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này là cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được 70.000.000 đồng cho bị hại số tiền khắc phục này chưa đủ $\frac{1}{2}$ số tiền mà bị hại đã yêu cầu nên không áp dụng điểm b Điều 51 BLHS cho bị cáo. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, nghĩ cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[6] Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, đánh giá hành vi, tính chất phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và mức án đề nghị xử phạt bị cáo như trên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về quan điểm của Luật sư Khoa: Luật sư cho rằng cần xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 373.565.000 đồng, và bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền trên. Xét thấy tại

phiên tòa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận để buộc bị cáo bồi thường.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 373.565.000 đồng khấu trừ đi số tiền mà bị cáo đã tác động gia đình khắc phục là 70.000.000 đồng (60.000.000 đồng bị hại đã nhận 10.000.000 đồng đang nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất theo biên lai số 03099 ngày 05/3/2021) và số tiền mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài Th đã tự nguyện khắc phục hậu quả là 25.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 278.565.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài Th là người đem chiếc xe mô tô hiệu Airbilade biển số 68D1-534.56 đi cầm dùm cho bị cáo số tiền 25.000.000 đồng, bản thân anh Th không biết chiếc xe trên là do bị cáo phạm tội mà có, sau khi biết sự việc anh Th đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại số tiền 25.000.000 đồng. Hiện gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất theo biên lai số 04386 ngày 01/3/2021. Tại biên bản ghi lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Th yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đi cầm dùm xe là 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý trả lại cho anh Th số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy tất cả tang vật chứng không có giá trị sử dụng và đều là đồ giả.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Trung C phải chịu án hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Trung C** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Trung C 07 (bảy)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Trung C đối với bị hại Trần Thị Khả A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoài Th.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 278.565.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Hoài Th số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ đồ Cảnh sát nhân dân Việt Nam; 01 nón ketpi; 01 dây thắt lưng Công an nhân dân; 01 bản tên Trần Trung C; 01 bộ quân hàm phù hiệu cấp hàm thượng úy; 01 còng số 8; 01 cây súng ngắn bắn đạn bi; 01 giấy chứng minh Công an nhân dân tên Trần Trung C có ảnh của C mặc quân phục Công an nhân dân.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Trung C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.178.250 đồng (Mười lăm triệu một trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS H.Hòn Đất;
- Chi cục THADS H.Hòn Đất;
- Công an H.Hòn Đất;
- Sở Tư Pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Cao Quốc Chiến